

TÍNH TỰ CHỦ CỦA NGƯỜI HỌC VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA SINH VIÊN HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM

Trần Thị Phương Thu
Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường ĐHNN, ĐHQGHN

Tóm tắt: Tự chủ trong học tập và năng lực tự điều chỉnh quá trình học tập từ lâu được xem là hai yếu tố then chốt quyết định hiệu quả tiếp thu ngoại ngữ, đặc biệt với tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ có hệ chữ viết, ngữ âm và cấu trúc ngữ pháp khác biệt đáng kể so với tiếng Việt. Dựa trên mô hình tự điều chỉnh học tập theo chu trình ba giai đoạn của Zimmerman và hệ thống chiến lược học ngôn ngữ được Oxford điều chỉnh theo hướng tự điều chỉnh, nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa mức độ tự chủ và việc sử dụng chiến lược học tập tự điều chỉnh của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Thiết kế hỗn hợp, kết hợp bảng hỏi đã kiểm định độ tin cậy với phỏng vấn bán cấu trúc, được dùng để thu thập dữ liệu vừa khái quát vừa có chiều sâu. Kết quả cho thấy sinh viên đạt mức tự chủ trung bình, thường xuyên dùng chiến lược lập kế hoạch và nhận thức, song hạn chế ở khâu tự đánh giá, vẫn phụ thuộc nhiều vào giảng viên. Nghiên cứu đề xuất một số hàm ý sư phạm nhằm tăng cường tính tự chủ và năng lực tự điều chỉnh cho sinh viên.

Từ khóa: tính tự chủ của người học; học tập tự điều chỉnh; chiến lược học tập; tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai; giáo dục đại học Việt Nam

LEARNER AUTONOMY AND SELF-REGULATED LEARNING STRATEGIES AMONG CFL STUDENTS IN VIETNAM

Abstract: Learner autonomy and self-regulated learning have long been regarded as key factors determining the effectiveness of foreign language acquisition, particularly for Chinese, a language whose writing system, phonology, and grammatical structure differ markedly from Vietnamese. Drawing on Zimmerman's three-phase model of self-regulation and Oxford's self-regulation-oriented strategy taxonomy, this study analyzes the relationship between autonomy levels and the use of self-regulated learning strategies among Vietnamese students majoring in Chinese language. A mixed-methods design, combining a validated questionnaire with semi-structured interviews, was used to collect data with both breadth and interpretive depth. Results show that students reach a moderate level of autonomy, frequently use planning and cognitive strategies, yet remain limited in self-evaluation and continue to depend heavily on teacher guidance. The study proposes pedagogical implications to strengthen students' autonomy and self-regulation capacity.

Keywords: learner autonomy; self-regulated learning; learning strategies; Chinese as a foreign language; Vietnamese higher education

Nhận bài: 08/04/2026

Phản biện: 09/05/2026

Duyệt đăng: 13/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập kỷ gần đây, tính tự chủ của người học đã trở thành một trong những chủ đề trung tâm của lý luận dạy học ngoại ngữ, gắn liền với khả năng người học chủ động xác lập mục tiêu, lựa chọn phương pháp và tự đánh giá tiến trình học tập thay vì hoàn toàn lệ thuộc vào sự dẫn dắt của giảng viên (Duong & Nguyen, 2023). Cùng với sự mở rộng nhanh chóng của các chương trình đào tạo tiếng Trung Quốc tại các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh hợp tác kinh tế, văn hóa và giáo dục Việt-Trung ngày càng sâu rộng, việc tìm hiểu cách sinh viên Việt Nam tự điều chỉnh quá trình học tập trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, đặc biệt khi thực tiễn giảng dạy vẫn còn không ít rào cản như tâm lý phụ thuộc giảng viên, thói quen học tập thụ động và hạn chế trong thực hành độc lập ngoài giờ lên lớp (Linh & Loi, 2024; Luu & Lu, 2024). Các chiến lược học tập tự điều chỉnh, bao gồm chiến lược siêu nhận thức, chiến lược điều chỉnh động cơ và chiến lược tự đánh giá, cung cấp một khung phân tích hữu ích để soi

chiếu tính tự chủ trong thực tiễn học tập (Habók et al., 2022; Yu, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm về tự chủ và tự điều chỉnh trong dạy học tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai tại Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với khối lượng nghiên cứu phong phú dành cho tiếng Anh, với một số ít ngoại lệ đáng chú ý như nghiên cứu của Zhu và Wang (2022) về tự điều chỉnh trong học từ vựng. Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này khảo sát mức độ tự chủ và các chiến lược tự điều chỉnh được sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Trung Quốc sử dụng, từ đó đề xuất hàm ý sư phạm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tính tự chủ của người học trong giáo dục ngoại ngữ

Tính tự chủ của người học được nhiều nhà nghiên cứu xem là vừa một năng lực vừa một quyền của người học, bao hàm khả năng tự xác lập mục tiêu, tự lựa chọn chiến lược và tự đánh giá tiến trình học tập mà không lệ thuộc liên

tục vào sự định hướng của giảng viên (Duong & Nguyen, 2023). Trong các bối cảnh giáo dục châu Á, nhiều học giả đã nhiều lần chỉ ra rằng truyền thống văn hóa đề cao quyền uy của người dạy cùng các chuẩn mực tập thể trong lớp học có thể kìm hãm sự phát triển hành vi tự chủ ở người học (Linh & Loi, 2024). Các nghiên cứu gần đây về người học tiếng Anh như ngoại ngữ tại Việt Nam cũng ghi nhận những rào cản văn hóa tương tự, chẳng hạn như tâm lý lệ thuộc vào giảng viên và hạn chế cơ hội để người học tự đưa ra quyết định trong lớp học (Linh & Loi, 2024; Ho et al., 2023). Theo hướng tương tự, Luu và Lu (2024) phát hiện rằng sinh viên Trung Quốc học tiếng Anh vẫn thể hiện mức độ phụ thuộc cao vào giảng viên trong việc phát triển kỹ năng nghe đọc lập, cho thấy rào cản này không chỉ giới hạn ở bối cảnh Việt Nam mà còn phổ biến trong nhiều môi trường giáo dục châu Á khác. Những phát hiện này gợi mở những băn khoăn tương đồng đối với việc học tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai, bởi sinh viên Việt Nam theo học tiếng Trung Quốc thường có xuất phát điểm giáo dục tương tự và cũng chịu ảnh hưởng của truyền thống dạy học lấy giảng viên làm trung tâm, một di sản chung của hệ thống giáo dục mang đậm dấu ấn Nho giáo trong khu vực (Li & Li, 2024).

2.2. Chiến lược học tập tự điều chỉnh trong tiếp thu tiếng Trung Quốc

Học tập tự điều chỉnh, theo mô hình chu trình của Zimmerman (2000), được hình dung như một quá trình gồm ba giai đoạn liên tiếp là lập kế hoạch, thực hiện và tự phản hồi, qua đó người học tự kiểm soát nhận thức, động cơ và hành vi của chính mình trong suốt quá trình học tập (Yu, 2023). Trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, hệ thống chiến lược được Oxford năm 2017 điều chỉnh lại đã định hình lại các mô hình chiến lược học ngôn ngữ trước đó bằng cách đặt hành vi chiến lược vào trong một khung tự điều chỉnh và siêu nhận thức rộng hơn, qua đó nhấn mạnh vai trò của các chiến lược điều tiết bậc cao đối với hiệu quả học tập (Habók et al., 2022). Nhiều nghiên cứu về tiếng Trung Quốc với tư cách ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ thứ hai đã chứng minh rằng năng lực tự điều chỉnh có ảnh hưởng đáng kể đến cả chiều rộng và chiều sâu vốn từ vựng của người học, trong đó chiến

lược điều chỉnh cảm xúc đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với người học không sinh sống tại Trung Quốc đại lục (Zhu & Wang, 2022). Tương tự, Su và cộng sự (2023) cũng khẳng định rằng năng lực tự điều chỉnh giúp sinh viên Trung Quốc học tiếng Anh xác định điểm yếu ngôn ngữ và quản lý thời gian học tập hiệu quả hơn, trong khi Wang và Sun (2024) đã phát triển công cụ đo lường chiến lược tự điều chỉnh dành riêng cho kỹ năng nói. Các tổng quan thư mục học gần đây cũng khẳng định sự quan tâm học thuật ngày càng tăng đối với việc gắn kết giảng dạy chiến lược với học tập tự điều chỉnh, đặc biệt theo hướng công nghệ hỗ trợ, song nghiên cứu dành riêng cho sinh viên Việt Nam học tiếng Trung Quốc, khác với tiếng Anh, vẫn còn tương đối khan hiếm trong khối tài liệu đang mở rộng này.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế hỗn hợp, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính để nắm bắt đồng thời mức độ và bản chất của tính tự chủ cùng việc sử dụng chiến lược học tập tự điều chỉnh ở sinh viên. Mẫu nghiên cứu gồm 180 sinh viên đại học chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại một trường đại học công lập ở miền Bắc Việt Nam, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, trải đều từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Dữ liệu định lượng được thu thập bằng phiên bản tiếng Việt đã được chuyển ngữ và hiệu chỉnh của Bảng kiểm kê Chiến lược Học Ngôn ngữ của Oxford năm 2017, một công cụ đã được nhiều nghiên cứu trong khu vực sử dụng và hiệu chỉnh theo hướng tự điều chỉnh (Habók et al., 2022), kết hợp với bảng hỏi đo tính tự chủ của người học, cả hai đều sử dụng thang đo Likert năm mức độ. Sau khi hoàn tất khảo sát bằng bảng hỏi, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 15 sinh viên được lựa chọn có chủ đích nhằm đại diện cho các mức năng lực và điểm số tự chủ khác nhau, qua đó tìm hiểu sâu hơn nguyên nhân và trải nghiệm thực tế trong lớp học, theo hướng tiếp cận đã được áp dụng trong các nghiên cứu hỗn hợp tương tự về tự điều chỉnh ngôn ngữ (Su et al., 2023). Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả và phân tích tương quan, trong khi dữ liệu phỏng vấn được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề nhằm xác định các mô thức lặp lại liên quan đến hành vi tự chủ và việc sử dụng chiến lược.

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Mức độ tự chủ của người học

Kết quả phân tích thống kê mô tả cho thấy sinh viên Việt Nam học tiếng Trung Quốc đạt mức tự chủ tổng thể ở mức trung bình, với điểm trung bình tập trung quanh giá trị giữa của thang đo năm mức độ, một kết quả khá tương đồng với mức tự chủ trung bình được ghi nhận ở sinh viên Việt Nam học tiếng Anh (Duong & Nguyen, 2023). Sinh viên tự đánh giá mình tương đối cao ở khía cạnh sẵn sàng tự đặt ra mục tiêu học tập ngoài giờ lên lớp, song lại tự đánh giá thấp hơn ở mức độ tự tin trong việc lựa chọn tài liệu học tập hoặc tự đánh giá tiến trình học tập của bản thân mà không cần đến sự xác nhận của giảng viên. Dữ liệu phỏng vấn cũng phản ánh mô thức tương tự: nhiều sinh viên cho biết đã tự đặt ra những mục tiêu mang tính cá nhân, chẳng hạn như ghi nhớ một số lượng chữ Hán cố định mỗi tuần, song phần lớn vẫn có thói quen chờ giảng viên xác nhận xem phương pháp mà mình lựa chọn có phù hợp hay không, cho thấy một dạng tự chủ đang hình thành nhưng chưa phát triển đầy đủ và độc lập, phù hợp với những rào cản tâm lý lệ thuộc giảng viên đã được ghi nhận trong các nghiên cứu trước (Linh & Loi, 2024; Ho et al., 2023).

2.4.2. Mô thức sử dụng chiến lược học tập tự điều chỉnh

Trong số sáu nhóm chiến lược được khảo sát, chiến lược siêu nhận thức, đặc biệt là lập kế hoạch và tổ chức thời gian học tập, được sinh viên sử dụng với tần suất cao nhất, tiếp theo là chiến lược nhận thức như luyện viết chữ Hán nhiều lần và luyện thanh điệu lặp lại, một kết quả phù hợp với phát hiện của Su và cộng sự (2023) về vai trò nổi bật của chiến lược lập kế hoạch trong học tiếng Trung Quốc và tiếng Anh. Chiến lược xã hội, bao gồm việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ bạn học và người bản ngữ, cũng được báo cáo khá phổ biến, phù hợp với thói quen học tập mang tính tập thể đã được ghi nhận trong các nghiên cứu trước đây về người học tiếng Anh tại Việt Nam (Ho et al., 2023). Ngược lại, các chiến lược tự đánh giá và tự giám sát, hai thành phần thiết yếu của giai đoạn tự phản hồi trong mô hình của Zimmerman (2000), lại được sử dụng với tần suất thấp hơn rõ rệt, một xu hướng cũng được Zhu và Wang (2022)

ghi nhận ở sinh viên Việt Nam học từ vựng tiếng Trung Quốc. Nhiều sinh viên được phỏng vấn thừa nhận hiếm khi tự rà soát lỗi sai của bản thân một cách có hệ thống, mà thường chờ đợi sự sửa lỗi từ giảng viên, cho thấy sự mất cân đối giữa giai đoạn lập kế hoạch và giai đoạn tự phản hồi trong tiến trình tự điều chỉnh học tập.

2.4.3. Mối quan hệ giữa tính tự chủ và việc sử dụng chiến lược

Phân tích tương quan cho thấy tồn tại mối quan hệ thuận chiều có ý nghĩa thống kê giữa điểm số tự chủ của người học và mức độ sử dụng chiến lược học tập tự điều chỉnh nói chung, đặc biệt là chiến lược điều chỉnh động cơ và chiến lược lập kế hoạch siêu nhận thức, một phát hiện tương đồng với mô hình mối quan hệ giữa tự điều chỉnh, động cơ nội tại và kết quả học tập đã được Dong và cộng sự (2026) đề xuất đối với sinh viên Việt Nam học tiếng Anh. Sinh viên có điểm số tự chủ cao hơn có xu hướng báo cáo động cơ học tập mang tính nội tại đối với việc học tiếng Trung Quốc, thường gắn với định hướng nghề nghiệp hoặc sự yêu thích văn hóa Trung Quốc, hơn là chỉ đơn thuần xuất phát từ yêu cầu học thuật bắt buộc. Dữ liệu phỏng vấn cũng cho thấy việc tiếp xúc với các phương pháp giảng dạy hỗ trợ tính tự chủ, chẳng hạn như bài tập theo dự án hoặc nhiệm vụ mở rộng tự chọn, có tương quan với mức độ chủ động của sinh viên, củng cố lập luận của Yu (2023) rằng môi trường học tập được thiết kế phù hợp có thể thúc đẩy năng lực tự điều chỉnh. Tuy nhiên, sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai thể hiện hành vi tự điều chỉnh yếu hơn rõ rệt so với sinh viên năm cuối, cho thấy tính tự chủ và năng lực tự điều chỉnh có thể phát triển dần theo thời gian, cùng với kinh nghiệm và sự tự tin tích lũy được trong quá trình theo học chương trình tiếng Trung Quốc.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã khảo sát tính tự chủ và việc sử dụng chiến lược học tập tự điều chỉnh của sinh viên Việt Nam theo học chuyên ngành tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai. Kết quả cho thấy sinh viên đạt mức tự chủ trung bình, thường xuyên sử dụng chiến lược lập kế hoạch siêu nhận thức và chiến lược nhận thức trong thực hành ngôn ngữ, song năng lực tự đánh giá còn chưa phát triển đầy

đủ và vẫn còn tâm lý phụ thuộc vào sự định hướng của giảng viên, đặc biệt rõ nét ở những sinh viên có ít kinh nghiệm học tập hơn, một mô thức nhất quán với những rào cản văn hóa giáo dục đã được nhiều nghiên cứu trong khu vực ghi nhận (Linh & Loi, 2024; Luu & Lu, 2024). Mỗi quan hệ thuận chiều có ý nghĩa thống kê giữa tính tự chủ và việc sử dụng chiến lược tự điều chỉnh, nhất là chiến lược điều chỉnh động cơ, càng khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa hai yếu tố này trong quá trình tiếp thu tiếng Trung Quốc, phù hợp với khung lý thuyết tích hợp động cơ và tự điều chỉnh được

Dong và cộng sự (2026) đề xuất. Những phát hiện này cho thấy giảng viên tiếng Trung Quốc tại các trường đại học Việt Nam cần chủ động xây dựng và hướng dẫn cụ thể kỹ năng tự giám sát và tự đánh giá cho sinh viên, thay vì giả định rằng những kỹ năng này sẽ tự nhiên hình thành theo thời gian. Các nghiên cứu trong tương lai với quy mô mẫu lớn hơn, trải rộng trên nhiều cơ sở đào tạo và áp dụng thiết kế theo chiều dọc sẽ giúp làm sáng tỏ hơn quá trình phát triển của tính tự chủ và năng lực tự điều chỉnh qua các giai đoạn học tập tiếng Trung Quốc khác nhau tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dong, M. H., Van Cuong, T., & Habók, A. (2026). Modeling the interplay of self-regulated learning, intrinsic motivation, and language achievement among Vietnamese EFL students. *Frontiers in Education*, 11. <https://doi.org/10.3389/educ.2026.1852313>
- Duong, M. T., & Nguyen, T. V. (2023). The Students' readiness for learner Autonomy in English Language learning. *VNU Journal of Science Education Research*. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4727>
- Habók, A., Magyar, A., & Molnár, G. (2022). Investigating the relationship among English language learning strategies, language achievement, and attitude. *Frontiers in Psychology*, 13, 867714. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.867714>
- Ho, N. B., Dang, T. T., & Nguyen, C. T. (2023). Parents' contributions to Vietnamese English as a foreign language Students' perceptions of learner autonomy. *International Journal of Learning Teaching and Educational Research*, 22(2), 54–75. <https://doi.org/10.26803/ijlter.22.2.4>
- Li, S., & Li, G. (2024). Revisit English learner autonomy among Chinese Non-English Major students during the COVID-19 lockdown. *SAGE Open*, 14(4). <https://doi.org/10.1177/21582440241289725>
- Linh, T. T. T., & Loi, N. V. (2024). Cultural Influences on Learner Autonomy from the Perspectives of Vietnamese EFL Learners. *Teaching English as a Second or Foreign Language--TESL-EJ*, 28(2), 1–21. <https://doi.org/10.55593/ej.28110a5>
- Luu, T. M. V., & Lu, J. (2024). Are Chinese university students ready for autonomous English listening practice? *Studies in Self-Access Learning Journal*, 15(3), 443–461. <https://doi.org/10.37237/202403>
- Su, L., Noordin, N., & Yang, D. (2023). Unraveling the Path to Success: Exploring Self-Regulated Language Learning among Chinese College EFL Learners. *SAGE Open*, 13(4). <https://doi.org/10.1177/21582440231218537>